

ANALYTICAL REPORT

Sample Code : 743-2022-00154105
Analytical Report : AR-22-VD-160222-03-EN / EUVNHC-00196475 - 1



BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY

Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Bien Hoa City
Dong Nai Province, VIETNAM

Sample described as: Nước mía có gaz Mía ha hương Berry
Conditioning: The canned product is sealed
Sample reception date: 19/12/2022
Analysis Time : 19/12/2022 - 26/12/2022
Client due date : 26/12/2022
Your purchase order reference: NA9J221219355
Eol sample code : 005-32410-142643

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Not detected (LOD=1)
2	VD344 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ ml	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Not detected (LOD=1)
3	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Not detected (LOD=1)
4	VD0GA VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ ml	EVN-R-RD-3-TP-3744 (2021) (Ref. ISO 16266:2006)	Not detected (LOD=1)
5	VD0G7 VD (a)(d) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Not detected (LOD=1)
6	VD6XM VD (a) <i>Faecal Streptococci</i>	cfu/ ml	CMMEF - 5th Ed. 2015 -Ch.10	Not detected (LOD=1)
7	VD0G4 VD (a) Aerobic Plate Count	cfu/ ml	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	1.8x10 ⁴
8	VD444 VD (a) Moulds	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Not detected (LOD=1)
9	VD442 VD (a) Yeast	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Not detected (LOD=1)
10	VD093 VD Polyphenols (total)	mg/ 100 ml	TCVN 9745-1:2013 (ISO 14502-1:2005)	58
11	VD210 VD (a) Moisture	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3496	92.6
12	VD297 VD (a) Ash	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	0.26
13	VD1Z1 VD (a) Lead (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
14	VD070 VD (a) Patulin	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5629 (Ref. AOAC 2000.02)	Not detected (LOD=5)
15	VD07C VD (a) Diphenylamine	mg/ l	EVN-R-RD-1-TP-4843 (Ref. EN 15662:2018)	Not detected (LOD=0.003)
16	VD07D VD (a) Propargite	mg/ l	EVN-R-RD-1-TP-4843 (Ref. EN 15662:2018)	Not detected (LOD=0.003)

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
17	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5204	Not detected (LOD=0.003)
18	VD630 VD Appearance		EVN-R-RD-2-TP-3552	Liquid, slightly opaque, homogeneous, gaseous.
19	VD630 VD Color		EVN-R-RD-2-TP-3552	Pale yellow color, specific of product.
20	VD630 VD Odor		EVN-R-RD-2-TP-3552	Odor specific of product, no strange odor.
21	VD630 VD Taste		EVN-R-RD-2-TP-3552	Taste specific of product, no strange taste.
22	VD2PV VD 2,4-D	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
23	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
24	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
25	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
26	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
27	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
28	VD2UB VD Cyhalothrin and lambda-cyhalothrin	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
29	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (including alpha- and zeta - cypermethrin)	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
30	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
31	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
32	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
33	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
34	VD2SF VD Mesotrione	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
35	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
36	VD2R5 VD (a) Propiconazole (sum of isomers)	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FO3559

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 09

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofins.com

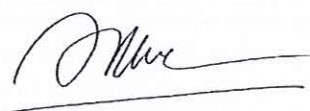
Effective date: 01/02/2023

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
37	VD2QT VD (a) Tebufenozide	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
38	VD2TK VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ l	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.05)

LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE



Nguyễn Anh Vũ
HCMC Lab Manager



Lý Hoàng Hải
General Manager Food & Feed Testing Vietnam

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 21/03/2023, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 21/03/2023.

EXPLANATORY NOTE

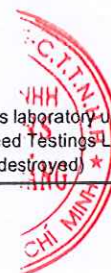
This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.

Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.

The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.

All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.

"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. The symbol (d) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation Animal Feed Testings Lab Certificate. (*this report cancels and replaces the previous one, numbered AR-22-VD-160222-02/743-2022-00154105 dated 20/02/2023 which must be destroyed)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2022-00154105
Mã số kết quả : AR-22-VD-160222-03-VI / EUVNHC-00196475 - 1



Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu : Nước mía có gaz Mía ha hương Berry
Tình trạng mẫu : Mẫu đồ hộp, đóng lon kín
Ngày nhận mẫu : 19/12/2022
Thời gian thử nghiệm : 19/12/2022 - 26/12/2022
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 26/12/2022
Mã số PO của khách hàng : NA9J221219355
Mã số mẫu Eol : 005-32410-142643

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD344 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ ml	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
3	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=1)
4	VD0GA VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ ml	EVN-R-RD-3-TP-3744 (2021) (Ref. ISO 16266:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD0G7 VD (a)(d) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
6	VD6XM VD (a) <i>Faecal streptococci</i>	cfu/ ml	CMMEF - 5th Ed. 2015 -Ch.10	Không phát hiện (LOD=1)
7	VD0G4 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ ml	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	1.8x10 ⁴
8	VD444 VD (a) Tổng số nấm mốc	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=1)
9	VD442 VD (a) Tổng số nấm men	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=1)
10	VD093 VD Polyphenol (Tổng)	mg/ 100 ml	TCVN 9745-1:2013 (ISO 14502-1:2005)	58
11	VD210 VD (a) Độ ẩm	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3496	92.6
12	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	0.26
13	VD1Z1 VD (a) Chì (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
14	VD070 VD (a) Patulin	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5629 (Ref. AOAC 2000.02)	Không phát hiện (LOD=5)
15	VD07C VD (a) Diphenylamine	mg/ l	EVN-R-RD-1-TP-4843 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
16	VD07D VD (a) Propargit	mg/ l	EVN-R-RD-1-TP-4843 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
18	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552	Màu vàng nhạt đặc trưng của sản phẩm.
19	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
20	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552	Dạng lỏng, hơi đục, đồng nhất, có gas.
21	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.
22	VD2PV VD 2,4-D	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
23	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
24	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
25	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
26	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
27	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
28	VD2UB VD Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
29	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (bao gồm alpha- và zeta - cypermethrin)	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
30	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
31	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
32	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
33	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
34	VD2SF VD Mesotrione	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
35	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
36	VD2R5 VD (a) Propiconazol (Tổng các đồng phân)	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
37	VD2QT VD (a) Tebufenozid	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
38	VD2TK VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ l	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 21/03/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 21/03/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi.
 (*Kết quả này thay cho kết quả số AR-22-VD-160222-02/743-2022-00154105, xuất ngày 20/02/2023; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

